TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 05/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ -TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Bình và bà Trịnh Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Dung, *cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà*.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Lâm, Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 10 phút, ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở-Toà án nhân dân huyện Thạch Hà mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Hữu T, Sinh ngày: 13/01/1992; (Tên gọi khác Đ) Giới tính: Nam.
Tại thị trấnV, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh.
Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấnV, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh.
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Con ông Đoàn Hữu T1, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1971.
Hai ông bà hiện trú tại tổ 1, thị trấnV, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh.
Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con đầu trong gia đình:
Vợ, con: Chưa có.
*Tiền án: Có 01 tiền án (Tại Bản án số 06/2014/HSST, ngày 22/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2015. Còn lại phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, hình phạt bổ sung, tiền thu lợi bất chính, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm chưa thi hành.
*Tiền sự: Không.

*Nhân thân: Ngày 22/8/2006 bị Công an huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản".

*Biện P ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 24/11/2017 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Hữu T có ông Trần Thanh M- Trợ giúp viên P lý thuộc Trung tâm trợ giúp P lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. (*Có mặt*)

2. Trần Văn P, Sinh ngày: 02/02/1995; Giới tính: Nam.

Tại xã H, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Trần Văn C, sinh năm 1963 và bà Hồ Thị C, sinh năm 1967.

Hai ông bà hiện trú tại: Thôn 4, xã H, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh.

Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình:

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

*Biện P ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 24/11/2017 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Hoàng Hữu K**, sinh năm 1987. (*Có mặt*)

Trú tại: Thôn H, xã Thạch Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1971. (*Có mặt*)

Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấnV, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh.

***Người làm chứng:**

Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1984. (*Vắng mặt*)

Trú tại: Thôn C, xã V, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 23/11/2017 có một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ, gọi điện thoại đến cho Đoàn Hữu T, trú tại tổ dân phố 1, thị trấnV, huyệnV, tỉnh Hà Tĩnh nói là *"Nhờ chú mua cho anh một triệu tiền trắng, để ngày mai anh có việc đi Thanh Hóa"* (T hiểu rằng tiền trắng ở đây là Hêrôin), T trả lời *"Chưa biết được, nếu giúp được thì em giúp"*. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 24/11/2017, người đàn ông đó tiếp tục gọi điện thoại đến cho T, để nhờ lấy hêrôin nên T đã đồng ý và

hẹn người đàn ông này đến khu vực chân cầu vượt thuộc địa phận xã Đ1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để gặp nhau trao đổi mua bán ma túy. Sau đó, T đã gọi điện thoại cho Trần Văn P (là bạn của T) nói *"đi Hà Tĩnh với tao",* P hiểu ý là T rủ đi bán ma túy nên đồng ý. T lấy xe mô tô biển kiểm soát 38P1-153.99 chở P cùng đi, khi đi đến khu vực ngã ba Khe Giao thì Đoàn Hữu T dừng xe lại ở bên lề đường đối diện cổng vào đền thờ Bà Chúa Lộc và nói với P đi vào gốc cây bên lề đường để lấy gói ma túy được cất dấu trong một vỏ bao thuốc lá. Đây là số ma túy mà T đã gọi điện thoại để mua của một người đàn ông tên M ở huyện K dấu ở đó từ trước. Theo sự chỉ dẫn của T, P đi đến lấy gói thuốc lá bên trong có chứa ma túy ra, rồi lên xe T tiếp tục đi xuống điểm hẹn để bán ma túy. Khi đi được một đoạn thì P đưa gói thuốc lá bên trong có chứa ma túy cho T, T cầm gói thuốc lá mở ra lấy một gói nilon bên trong có chứa ma túy rồi vứt gói thuốc lá trên đường đi. Khi đi đến khu vực trước cây xăng xã V, huyện H thì T dừng xe rồi đưa gói nilon bên trong có chứa ma túy cho P và nói bỏ ở bên lề đường để tý nữa hẹn người đàn ông mua ma túy đến lấy. P cầm gói ma túy đó bỏ xuống bên lề đường đối diện cây xăng xã V, nhưng sau đó T nói lại với P là nhặt lên cất để đi ăn. P đi nhặt gói ma túy và đưa cho T, sau đó T để gói ma túy ở một bên cột mốc lề đường rồi tiếp tục đi đến quán ăn H để ăn sáng. Sau khi ăn xong, T một mình điều khiển xe mô tô quay lại lấy gói ma túy và gọi điện hẹn người đàn ông đó đến quán H để bán ma túy. Trong lúc đang chờ để bán ma túy thì bị lực lượng phòng chống tội phạm về ma túy Công an huyện Thạch Hà phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Tang vật thu giữ bao gồm: 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng bột và dạng nén; 01 cóng thủy tinh dùng để sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá đã bị vỡ; 04 túi ni lông màu trắng phía trên có khuy kéo (trong đó 02 túi kích thước 1,5cm x 01cm, 02 túi kích thước 04cm x 02cm); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung loại máy SM-G935FD bên trong có gắn 02 thẻ sim gồm số 01642572666 và số 0941144215, số IMEI1 357225079179224/01 và số IMEI2 357224079179227/01; 01 xe mô tô biển kiểm soát 38P1-153.99, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, số khung 5P10DY282364, số máy 55P1282378, xe đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 128/KLGĐ-PC54 ngày 25/11/2017 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: *Chất dạng bột, dạng nén màu trắng gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,4293 gam là Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.*

Ngoài hành vi phạm tội nói trên, trong quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra còn chứng minh được vào khoảng 13h30 ngày 17/11/2017, Đoàn Hữu T và Trần Văn P còn có hành vi bán ma túy cho Hoàng Hữu K trú tại xã Thạch Đ, huyện H. Cụ thể, trong một lần sử dụng ma túy cùng bạn nghiện, K biết T có bán ma túy nên đã xin số điện thoại để khi cần gọi mua sử dụng. Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17/11/2017, K điện thoại cho T theo số thuê bao 0941144215 và nói *"Bạn có thì để giúp mình tý"* nên T đã hẹn gặp K ở khu vực cầu vượt thuộc địa phận xã Đ1, huyện H để giao dịch mua bán ma túy. Sau khi hẹn bán ma túy cho K thì T gọi điện cho P và nói "*Mày đi Hà Tĩnh với tao không*?" P hiểu ý là T rủ đi bán ma túy nên đồng ý. T lấy

gói ma túy đã mua trước đó để vào trong túi áo rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38P1-153.99 đến chở P cùng đi. Đến khoảng 13 giờ 30 cùng ngày thì T và P đi đến khu vực chân cầu vượt thuộc địa phận xã Đ1, huyện H. Khi đến nơi, T bỏ gói ma túy xuống bên lề đường rồi nói với P *"Mày đứng đây, khi nào có ai đến hỏi thì chỉ cho họ",* P đồng ý rồi đứng gần gói ma túy mà T đã bỏ lại, còn T thì ngồi trên xe mô tô dừng bên lề đường cách P đứng khoảng 20 mét. Một lúc sau, Hoàng Hữu K đi đến chỗ T đang đứng và đưa cho T 500.000 đồng, T cầm lấy tiền rồi nói với K đi đến chỗ P để lấy ma túy. Theo sự chỉ dẫn của T, K đi đến chỗ P đang đứng và P đã chỉ vị trí gói ma túy để bên lề đường cho K, K nhặt lên rồi đem về sử dụng. Sau đó T đã trả tiền mua ma túy cho người tên M ở huyện K trước đó là 350.000 đồng bằng cách dấu tiền ở một vị trí bên lề, đường mòn Hồ Chí Minh rồi điện thoại chỉ dẫn cho M đến lấy. Trong lần mua bán ma túy này Đoàn Hữu T được hưởng lợi 150.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ được đến ngày 28/12/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà đã trả lại chiếc thẻ sim có số thuê bao 01642572666 cho đại diện hợp pháp của Đoàn Hữu T do không có liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38P1-153.99 nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng xanh, loại xe EXCITER, số khung 5P10DY282364, số máy 55P1282378 mà Đoàn Hữu T đã sử dụng làm phương tiện để phạm tội là của bà Phạm Thị H (mẹ của Đoàn Hữu T). Nhưng khi để xe ở nhà, T đã tự ý lấy xe đi và bà H không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội nên ngày 28/12/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà đã trả lại chiếc xe nói trên cho chủ sở hữu.

Bản cáo trạng số 04/Ctr-KSĐT, ngày 11/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đã truy tố các bị cáo Đoàn Hữu T và Trần Văn P về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân các bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đoàn Hữu T mức án từ 8 năm đến 8 năm 06 tháng; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn P mức án từ 6 năm đến 6 năm 06 tháng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 150.000đ tiền thu lợi bất chính của bị cáo T; Về xử lý vật chứng cần áp dụng các quy định của P luật tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng và tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước các công cụ phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của P luật.

Trợ giúp viên pháp lý Trần Thanh M phát biểu bài bào chữa cho bị cáo Đoàn Hữu T với nội dung Trợ giúp viên hoàn toàn đồng tình với quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh của gia đình bị cáo rất khó khăn hộ nghèo, bố bị bệnh động kinh,

mẹ bị tật sức khỏe yếu nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 cho bị cáo và áp dụng thêm điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 để miễn án phí cho bị cáo T.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng đề nghị của Trợ giúp viên về việc miễn án phí cho bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T không có đơn xin miễn án phí hơn nữa tại phiên tòa bị cáo cũng không có ý kiến gì về việc xin được miễn án phí nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Hữu T và Trần Văn P không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi mà bị cáo đã thực hiện là sai trái vi phạm P luật, kính mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo P nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất có thể cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp P.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay lúc đầu các bị cáo thiếu thành khẩn, quanh co chối tội nhưng sau đó các bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình và đã thành khẩn khai báo. Lời khai nhận tội của của các bị cáo Đoàn Hữu T và Trần Văn P tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Hữu K phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/11/2017 đến ngày 24/11/2017 Đoàn Hữu T và Trần Văn P đã 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, thu lợi bất chính số tiền 150.000đ. Tang vật thu giữ 0,4293 gam Heroin

Các bị cáo Đoàn Hữu T và Trần Văn P đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 194 BLHS năm 1999. Vì vậy, khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng P luật không oan sai.

[3]. Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy rằng hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người. Như chúng ta đã biết ma túy là loại độc dược nó làm hủy hoại nhân cách ảnh hưởng đến giống nòi thế mà các bị cáo vẫn mua đi bán lại để kiếm lời gieo rắc cái chết trắng cho đồng loại. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ án này Đoàn Hữu T là người giữ vai trò chính, Trần Văn P là người giúp sức tích cực. Bị cáo T là người có nhân thân xấu là người đã từng bị Tòa án kết án và chưa được xóa án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để rèn luyện tu dưỡng cho bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Chính vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử phạt thật nghiêm phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét cân nhắc đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để cá thế hóa trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Cụ thể, bị cáo T là người có nhân thân xấu đã có một tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" trong vụ án này bị cáo lại là người khởi xướng, bị cáo chỉ có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn, khai báo. Còn đối với bị cáo P bản thân từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy Công an tỉnh Hà Tĩnh và Công an huyệnV đã có văn bản đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P, bởi bị cáo có nhiều thành tích trong việc giúp các cơ quan chức năng đấu tranh, triệt phá thành công nhiều chuyên án. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s và t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Do đó, cần áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định cũng đủ cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[4].Về xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đoàn Hữu T có tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Bị cáo T và P có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, bị cáo T là hộ nghèo; riêng bị cáo P hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự, có công trong việc giúp đỡ các cơ quan chức năng triệt phá thành công nhiều chuyên án. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[5].Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy rằng các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có nghề nghiệp ổn định không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6].Về thu lợi bất chính: Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Hữu T khai nhận, số tiền thu lợi bất chính từ hành vi bán ma túy là 150.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy cần truy thu số tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

[7]. Về vật chứng: Cần áp dụng các quy định của P luật tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng, tịch thu hóa giá sung công quỹ các công cụ phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[8]. Kiến nghị: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đoàn Hữu T và Trần Văn P còn khai nhận trong các ngày 18/11/2017 và ngày 22/11/2017 có 02 lần bán ma túy cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực cây xăng xã V và khu vực trước nhà nghỉ T ở xã L, huyện H. Đoàn Hữu T khai nhận có mua ma túy của một người đàn ông tên M ở huyện K, nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà tiếp tục áp dụng các biện P nghiệp vụ để điều tra làm rõ và xử lý khi có căn cứ.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015; (bị cáo T bị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52; bị cáo P được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 BLHS năm 2015).

[1]. Tuyên bố các bị cáo **Đoàn Hữu T** và **Trần Văn P** phạm tội "***Mua bán trái phép chất ma túy***".

- Xử phạt bị cáo Đoàn Hữu T **08**(*Tám*) năm tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/11/2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn P **06**(*Sáu*) năm tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/11/2017.

[2]. Về áp dụng các biện pháp tư pháp:

*Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 truy thu sung công quỹ Nhà nước từ bị cáo Đoàn Hữu T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*) tiền thu lợi bất chính.

*Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 túi ni long bên trong có chứa 0,4293 gam Heroin (*nhưng trừ đi 0,0316 gam mẫu vật đã lấy để giám định*); 04 túi ni lông loại có khuy kéo; 01 cóng thủy tinh dùng để sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá đã bị vỡ; 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0941144215, số IMEI1 357225079179224/01.

*Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại SM-G935FD thu của bị cáo Đoàn Hữu T.

(*Đặc điểm, tình trạng tang vật có tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/12/2017 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh*)

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc các bị cáo Đoàn Hữu T và Trần Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư P tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Công an huyện Thạch Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hoàn